

Số: 1 7 6 6
/QĐ-GVN.HN

Hà Nội, ngày 0 5 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt HSYC và nhà thầu tham gia chỉ định thầu

**Gói thầu: Dịch vụ kiểm tra, kiểm định kỹ thuật an toàn thiết bị có yêu cầu
nghiêm ngặt về an toàn lao động**

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 2760/QĐ-BCT ngày 14/12/2022 của Bộ Công Thương ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Giấy Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2155/QĐ-GVN.HN ngày 20/9/2022 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam về việc ban hành quy chế mua sắm hàng hóa;

Căn cứ Quyết định số 3552/QĐ-GVN.HN ngày 30/9/2024 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam về việc ban hành Quy chế phân cấp giữa Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc Tổng công ty Giấy Việt Nam;

Căn cứ Quyết định 3684/QĐ-GVN.HN ngày 09/10/2024 của Tổng công ty giấy Việt Nam về việc thành lập Tổ chuyên gia giúp việc đấu thầu mua sắm vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất của Tổng công ty Giấy Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1657/QĐ-GVN.HN ngày 15/8/2025 của Hội đồng thành viên - Tổng công ty Giấy Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Dịch vụ kiểm tra, kiểm định kỹ thuật an toàn thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động;

Căn cứ Nghị quyết số 103/NQ-GVN.HN ngày 29/8/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt HSYC và nhà thầu tham gia chỉ định gói thầu: Dịch vụ kiểm tra, kiểm định kỹ thuật an toàn thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phục vụ sản xuất của Tổng công ty Giấy Việt Nam, nội dung sau:

1. Hồ sơ yêu cầu

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chỉ định thầu theo Quy chế mua sắm hàng hóa, dịch vụ của Tổng công ty Giấy Việt Nam.

- Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.

- Hình thức hợp đồng: Trọn gói.

- Nội dung và yêu cầu: Chi tiết theo Hồ sơ yêu cầu đính kèm.

2. Nhà thầu tham gia chỉ định

TT	Tên vật tư, hàng hóa	Danh sách nhà cung cấp	Địa chỉ
1	Dịch vụ kiểm tra, kiểm định kỹ thuật an toàn thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.	Trung tâm Kiểm định Công nghiệp 1	Hà Nội

Điều 2. Tổ chuyên gia giúp việc đấu thầu Tổng công ty Giấy Việt Nam theo Quyết định số 3684/QĐ-GVN.HN ngày 09/10/2024 có trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng nội dung có trong Hồ sơ yêu cầu được phê duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia giúp việc đấu thầu theo Quyết định số 3684/QĐ-GVN.HN ngày 09/10/2024 và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *th*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐTV (để báo cáo);
- Ban TGD (để biết);
- Ban KTKTNB;
- Lưu: VT, VTNL.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**



Cao Văn Sơn

TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM

HỒ SƠ YÊU CẦU

**TÊN GÓI THẦU: DỊCH VỤ KIỂM TRA, KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN
TOÀN THIẾT BỊ CÓ YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ AN TOÀN LAO
ĐỘNG**



Chương I. YÊU CẦU CỦA HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 1. Thông tin tóm tắt về gói thầu

1. Tên bên mời thầu là: Tổng công ty Giấy Việt Nam

Bên mời thầu mời nhà thầu nộp Hồ sơ đề xuất (HSDX) cho gói thầu: Dịch vụ kiểm tra, kiểm định kỹ thuật an toàn thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu: Cung cấp dịch vụ kiểm tra, kiểm định kỹ thuật an toàn đối với các thiết bị nâng hạ tại Tổng công ty Giấy Việt Nam, cụ thể được nêu tại Chương II của hồ sơ yêu cầu này.

2. Loại hợp đồng: Trọn gói.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2025.

4. Thời gian thanh toán: Thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày thực hiện xong kiểm định và cấp chứng nhận kiểm định.

5. Địa điểm thực hiện: Tại Tổng công ty Giấy Việt Nam (Xã Phù Ninh – Tỉnh Phú Thọ).

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp HSDX cho gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Đảm bảo cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định;
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu;
6. Có đầy đủ giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động được cơ quan có thẩm quyền cấp.
7. Phạm vi hoạt động kiểm định ghi trong Giấy chứng nhận phải bao gồm loại thiết bị mà nhà thầu dự kiến kiểm định.
8. Có đội ngũ kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động được cấp thẻ kiểm định viên còn hiệu lực. Kiểm định viên phải có trình độ chuyên môn phù hợp, được đào tạo, sát hạch và có chứng chỉ theo quy định.
9. Có trang thiết bị, dụng cụ, chuẩn đo lường cần thiết cho hoạt động kiểm định, được kiểm định/hiệu chuẩn định kỳ.

Mục 3. Giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu chào thầu với các nội dung cụ thể tại Chương II.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi

phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của HSYC, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDX của nhà thầu không được xem xét đánh giá.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần HSDX

HSDX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Hồ sơ năng lực của nhà thầu.

Hồ sơ năng lực bao gồm các nội dung chính như sau:

- Có tối thiểu 01 hợp đồng có tính chất tương tự về cung cấp các dịch vụ về kiểm tra, kiểm định kỹ thuật an toàn các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động

- Nhà thầu phải nộp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp hoặc giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có).

- Kết quả hoạt động tài chính: Yêu cầu nộp báo cáo tài chính năm gần nhất. Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương ($\text{Giá trị tài sản ròng} = \text{Tổng tài sản} - \text{Tổng nợ}$).

- Yêu cầu nhà thầu nộp các giấy tờ chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động được cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Yêu cầu nộp danh sách đội ngũ kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động được cấp thẻ kiểm định viên còn hiệu lực và hợp đồng lao động đối với các kiểm định viên.

- Yêu cầu nộp danh sách các thiết bị, dụng cụ để thực hiện quá trình kiểm định đã được kiểm định/hiệu chuẩn có giấy chứng nhận.

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của HSDX

Thời gian có hiệu lực của HSDX là 60 ngày kể từ ngày có thời điểm nộp HSDX.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá HSDX

1. Nhà thầu phải nộp HSDX trực tiếp hoặc qua đường bưu điện và phải được đựng trong Phong bì dán kín. Hồ sơ dự thầu được gửi về theo địa chỉ:

- Phòng Vật tư nguyên liệu – Tổng công ty Giấy Việt Nam.

- Địa chỉ: Xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

- ĐT: 02103 829637 Fax: 02103 829637

- Địa chỉ Email: vattunguyenlieu@gmail.com

- Thời gian nhận hồ sơ đề xuất: 05 ngày làm việc kể từ ngày đăng HSYC trên trang website: vinapaco.com.vn.

HSDX được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp HSDX sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu đánh giá HSDX và mời nhà thầu đến thương thảo để làm rõ các thông tin cần thiết của HSDX.

Mục 7. Tiêu chuẩn đánh giá HSDX:

- Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và đánh giá về kỹ thuật.

Mục 8. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có HSDX hợp lệ; có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSYC; có giá đề nghị chỉ định thầu không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Chương II. PHẠM VI YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

1. Phạm vi cung cấp dịch vụ

Bảng số 1. Yêu cầu kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị

Stt	Nội dung	Mã hiệu/Nước chế tạo/ Năm chế tạo	Đvt	Số lượng
I	Nhà máy điện			
1	Kiểm định KTAT Cầu trục lần hai dầm 5,0 tấn	Demag-5T/Đức/2000	Th/bị	1
2	Kiểm định KTAT Cầu trục lần gầu ngoạm 10 tấn	KPAH-10-5K/Nhật Bản/1999	Th/bị	1
3	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 1,5 tấn	KITO-1,5T/Nhật Bản/1988	Th/bị	1
4	Kiểm định KTAT Pa lăng điện 5,0 tấn	Demag-5T/Đức/1980	Th/bị	1
5	Kiểm định KTAT Cầu trục lần gầu ngoạm 5,0 tấn	GN-5Tx13,5M/VN/1977	Th/bị	1
6	Kiểm định KTAT Cầu trục lần hai dầm 50 tấn	Demag-5T/Đức/1996	Th/bị	1
7	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 2,0 tấn	KITO-2T/Nhật Bản/1998	Th/bị	1
8	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 2,0 tấn	KITO-2T/Nhật Bản/1998	Th/bị	1
9	Kiểm định KTAT Pa lăng điện 2,0 tấn	T-2-511/1987	Th/bị	1
10	Kiểm định KTAT Pa lăng điện 2,0 tấn	20H 12pt/Hàn Quốc/1998	Th/bị	1
11	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 2,0 tấn	KITO-2T/Nhật Bản/1998	Th/bị	1
II	Xí nghiệp bảo dưỡng			
12	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng 1,15 tấn	Nhật Bản/12170902	Th/bị	1
13	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng 1,5 tấn	Nhật Bản/7170649	Th/bị	1

14	Kiểm định KTAT Cầu trục lăn một dầm 3,2 tấn	Đức/885220	Th/bị	1
15	Kiểm định KTAT Cầu trục lăn hai dầm 10 tấn	Đức/797403	Th/bị	1
16	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 3,1 tấn	Nhật Bản/8043	Th/bị	1
17	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 3,0 tấn	Nhật Bản/18810	Th/bị	1
18	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 3,0 tấn	Nhật Bản/1570324	Th/bị	1
19	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 3,0 tấn	Nhật Bản/1888	Th/bị	1
20	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 3,0 tấn	Nhật Bản/8043-1	Th/bị	1
21	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 1,0 tấn	Nhật Bản/1446087	Th/bị	1
22	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 2,0 tấn	Nhật Bản/2193	Th/bị	1
23	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 1,5 tấn	Nhật Bản/1570310	Th/bị	1
24	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 5,0 tấn	Nhật Bản/916	Th/bị	1
25	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 1,5 tấn	Nhật Bản/1570305	Th/bị	1
26	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 1,5 tấn	Nhật Bản/207	Th/bị	1
27	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 6,0 tấn	Nhật Bản/1514262	Th/bị	1
28	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 5,0 tấn	Nhật Bản/1785	Th/bị	1
29	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 1,0 tấn	Nhật Bản/2081	Th/bị	1
30	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 1,5 tấn	Nhật Bản/1788	Th/bị	1
31	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 1,0 tấn	Nhật Bản/21092	Th/bị	1
32	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 1,6 tấn	Nhật Bản/1783	Th/bị	1
33	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 1,0 tấn	Nhật Bản/142091	Th/bị	1
34	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 1,0 tấn	Nhật Bản/001	Th/bị	1
35	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 1,5 tấn	Nhật Bản/204	Th/bị	1
36	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 1,5 tấn	Nhật Bản/1716	Th/bị	1
37	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 1,0 tấn	Nhật Bản/2196	Th/bị	1
38	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 2,5 tấn	Nhật Bản/003	Th/bị	1
39	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 10 tấn	Nhật Bản/1316	Th/bị	1
40	Kiểm định KTAT Pa lăng điện 2,0 tấn	Trung Quốc/2131	Th/bị	1
41	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 2,0 tấn	Nhật Bản/208	Th/bị	1
42	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 1,5 tấn	Nhật Bản/1616	Th/bị	1
43	Kiểm định KTAT Cầu trục lăn một dầm 5,0 tấn	Đức/SX-1980	Th/bị	1
44	Kiểm định KTAT Xe nâng người	Mỹ/33210	Th/bị	1
45	Kiểm định KTAT Cầu trục hai dầm 10 tấn	Đức/797419	Th/bị	1
46	Kiểm định KTAT Pa lăng điện 1,0 tấn	Đức/5745233	Th/bị	1
47	Kiểm định KTAT Cầu trục lăn hai dầm 20x2 tấn	XNCK Quang Trung	Th/bị	1
48	Kiểm định KTAT Cầu trục lăn hai dầm 10 tấn	Đức/800735	Th/bị	1
49	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 10 tấn	Nhật Bản/8810259	Th/bị	1
50	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 10 tấn	Nhật Bản/8810257	Th/bị	1
51	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 10 tấn	Nhật Bản/8810258	Th/bị	1

52	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 10 tấn	Nhật Bản/8810260	Th/bị	1
53	Kiểm định KTAT Cầu trục lăn hai dầm 5,0 tấn	Đức	Th/bị	1
54	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 1,5 tấn	Nhật Bản/3493072	Th/bị	1
55	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 1,0 tấn	Nhật Bản/1932	Th/bị	1
56	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 1,0 tấn	Nhật Bản/0204	Th/bị	1
57	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 1,5 tấn	Nhật Bản/1570304	Th/bị	1
58	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 3,0 tấn	Nhật Bản/1889	Th/bị	1
59	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 1,0 tấn	Nhật Bản/16070459	Th/bị	1
60	Kiểm định KTAT Pa lăng điện 1,5 tấn	Nhật Bản/1570291	Th/bị	1
61	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 2,0 tấn	Nhật Bản/2195	Th/bị	1
62	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 1,5 tấn	Nhật Bản/5668	Th/bị	1
63	Kiểm định KTAT Pa lăng điện 1,0 tấn	Nhật Bản/2011	Th/bị	1
64	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 1,0 tấn	Nhật Bản/1815	Th/bị	1
65	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 3,0 tấn	Nhật Bản/2155	Th/bị	1
66	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 1,0 tấn	Nhật Bản	Th/bị	1
67	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 1,0 tấn	KENBO – TQ 2023	Th/bị	1
68	Kiểm định KTAT bàn nâng 0,5 tấn	Thụy Điển	Th/bị	1
69	Kiểm định KTAT bàn nâng 1,5 tấn	Thụy Điển	Th/bị	1
III Nhà máy Hóa Chất				
70	Kiểm định KTAT Pa lăng điện 1,0 tấn	BMH3/Trung Quốc/2005	Th/bị	1
71	Kiểm định KTAT Pa lăng điện 2,0 tấn	GLNO-20T-H12H/2003	Th/bị	1
72	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 3,0 tấn	19150902/Nhật Bản/2013	Th/bị	1
73	Kiểm định KTAT Cầu trục lăn hai dầm 2,2 tấn	GM-5D2P/5- Italia/1999	Th/bị	1
IV Phân xưởng Giấy				
74	Kiểm định KTAT Pa lăng điện 2,0 tấn	CKGN2-H6-MH/Hàn Quốc/1999	Th/bị	1
75	Kiểm định KTAT Bán công trục (1) 10,0 tấn	DH 1025-2010	Th/bị	1
76	Kiểm định KTAT Cầu trục lăn hai dầm 20/10 tấn	DEMAG-612-Cr002/Đức/1997	Th/bị	1
77	Kiểm định KTAT Cầu trục lăn hai dầm 10/20/10 tấn	DEMAG-612-Cr001/Đức/1997	Th/bị	1
78	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 8,0 tấn	TALB-08T/LXô-1986	Th/bị	1
79	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 8,0 tấn	TALB-08T/LXô-1986	Th/bị	1
80	Kiểm định KTAT Thang máy chở hàng 1,5 tấn	Chở hàng- Loại V/Thụy Điển/1986	Th/bị	1

81	Kiểm định KTAT Bán công trực (2) 10,0 tấn	DH 1025-2010	Th/bị	1
82	Kiểm định KTAT Pa lăng điện 2,0 tấn	Hitachi/Nhật Bản/2009	Th/bị	1
83	Kiểm định KTAT Cầu trục treo 1 dầm 3,0 tấn	Demag-612-Cr003/Đức/1997	Th/bị	1
84	Kiểm định KTAT Cầu trục treo 1 dầm 3,0 tấn	Demag-612-Cr004/Đức/1997	Th/bị	1
85	Kiểm định KTAT Pa lăng điện 2,0 tấn	CKGN2-H6-MH/Hàn Quốc/2010	Th/bị	1
86	Kiểm định KTAT Pa lăng điện 2,0 tấn	CD1 Kenbo/Trung Quốc/2020	Th/bị	1
87	Kiểm định KTAT Pa lăng điện 2,0 tấn	CD1 Kento/Trung Quốc/2020	Th/bị	1
88	Kiểm định KTAT Pa lăng điện 0,5 tấn	TĐ 0,5-7112 Liên Xô	Th/bị	1
89	Kiểm định KTAT Pa lăng điện 0,5 tấn	TĐ 0,5-7112 Liên Xô	Th/bị	1
90	Kiểm định KTAT Pa lăng điện 2,5 tấn	Demag/Đức/1985	Th/bị	1
V Phân xưởng Bột				
91	Kiểm định KTAT Cầu trục lăn hai dầm 15/15 tấn	Demag-512-Cr-001/Đức/1998	Th/bị	1
92	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 3,2 tấn	Nitchi H40/2012	Th/bị	1
93	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 5,0 tấn	Balance-05T/Nhật Bản/2005	Th/bị	1
94	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 5,0 tấn	C21-Elephan/Nhật/2004	Th/bị	1
95	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 5,0 tấn	C21-Elephan-5/Nhật/2004	Th/bị	1
96	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 1,5 tấn	Mega/Hàn Quốc/2005	Th/bị	1
97	Kiểm định KTAT tời điện dùng để kéo tải theo phương nghiêng 0,7 tấn	TĐ-0,7	Th/bị	1
98	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 1,5 tấn	Kito-02T/Nhật Bản/1998	Th/bị	1
VI Xí nghiệp Vận tải				
99	Kiểm định KTAT Cần trục ô tô 25 tấn	Tadano/1986/Nhật Bản	Th/bị	1
100	Kiểm định KTAT Cần trục ô tô 25 tấn	Lokomo/1987/Thụy Điển	Th/bị	1
101	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng Vovol 4,0 tấn	Volvo70-324-1990/Thụy Điển	Th/bị	1
102	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng Vovol 4,0 tấn	Volvo70-327-1990/Thụy Điển	Th/bị	1
103	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng Vovol 4,0 tấn	Volvo70-329-1990/Thụy Điển	Th/bị	1

104	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng Vovol 4,0 tấn	Volvo70-331-1990/Thụy Điển	Th/bị	1
105	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng Vovol 4,0 tấn	Volvo70-335-1997/Thụy Điển	Th/bị	1
106	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng Vovol 4,0 tấn	Volvo70-334-1990/Thụy Điển	Th/bị	1
107	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng 3,0 tấn	Mitsubishi/3,0-2002/Nhật Bản	Th/bị	1
108	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng 3,5 tấn	Mitsubishi/3,5-1999/Nhật Bản	Th/bị	1
109	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng Vovol 4,0 tấn	Volvo70-646-1985/Thụy Điển	Th/bị	1
110	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng Vovol 5,0 tấn	Volvo70-323-1990/Thụy Điển	Th/bị	1
111	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng Vovol 8,6 tấn	Volvo90C-339-2007/Thụy Điển	Th/bị	1
112	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng Vovol 5,0 tấn	XCMGLW500FN-342-2018/Trung Quốc	Th/bị	1
113	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng Vovol 5,0 tấn	XCMGLW500FN-343-2018/Trung Quốc	Th/bị	1
114	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng Vovol 4,0 tấn	Volvo70-330-1990/Thụy Điển	Th/bị	1
115	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng Vovol 8,6 tấn	Volvo90C-336-1996/Thụy Điển	Th/bị	1
116	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng Vovol 8,6 tấn	Volvo90-337-1996/Thụy Điển	Th/bị	1
117	Kiểm định KTAT Xe nâng 1,65 tấn	FD20Z25 Nhật-1979/Nhật Bản	Th/bị	1
118	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng Vovol 4,0 tấn	Volvo70F-340-1990/Thụy Điển	Th/bị	1
119	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng Vovol 4,0 tấn	Volvo70F-341-2009/Thụy Điển	Th/bị	1
120	Kiểm định KTAT Xe nâng 4,8 tấn	FB70-Z8 Nhật-2007/Nhật Bản	Th/bị	1
121	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng 1,05 tấn	Shinko-364-1982/Nhật Bản	Th/bị	1
122	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng 2,0 tấn	TCM-378-1989/Nhật Bản	Th/bị	1
123	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng 1,4 tấn	TCM-388-2002/Nhật Bản	Th/bị	1
124	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng 2,0 tấn	TCM-395-2002/Nhật Bản	Th/bị	1

125	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng 1,8 tấn	TCM-405-2008/Nhật Bản	Th/bị	1
126	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng 2,7 tấn	TCM-406-2010/Nhật Bản	Th/bị	1
127	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng 1,5 tấn	TCM-407-2010/Nhật Bản	Th/bị	1
128	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng 3,0 tấn	TCM408-FD30T3Z-2017/Nhật Bản	Th/bị	1
129	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng 2,75 tấn	TCM-409-FD7Z-2012/Nhật Bản	Th/bị	1
130	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng 1,4 tấn	TCM-410-FB15H15-2012/Nhật Bản	Th/bị	1
131	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng 3,3 tấn	TCM411-KBD35-2019/Trung Quốc	Th/bị	1
132	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng 5,0 tấn	SDLG L956F-345-2021/Trung Quốc	Th/bị	1
133	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng 3,5 tấn	Heli CPCD35-412-2021/Trung Quốc	Th/bị	1
134	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng 3,5 tấn	TCM H3.5XT-416/2021/Nhật Bản	Th/bị	1
135	Kiểm định KTAT Xe nâng hàng 5,0 tấn	SDLG L956F-344-2021/Trung Quốc	Th/bị	1
VII Tổng kho				
136	Kiểm định KTAT Cầu trục lăn hai dầm 5,0 tấn	Demag-0,5T/1997/Thụy Điển	Th/bị	1
VIII Nhà máy chế biến gỗ				
137	Kiểm định KTAT Pa lăng xích 2,0 tấn	Elephant/Nhật Bản	Th/bị	1

2. Yêu cầu về kỹ thuật:

- Số lượng và thời gian các thiết bị có thể được kiểm định, hiệu chuẩn thành nhiều đợt. Số lượng và thời gian cụ thể của từng đợt sẽ căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kiểm định, hiệu chuẩn chi tiết cho từng đợt.

- Tiến độ thực hiện: Ngay sau khi hợp đồng được ký.

- Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn đối với các thiết bị thuộc Danh mục có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo Thông tư số 54/2016/TT-BLĐTBXH, bảo đảm việc kiểm định được tiến hành đúng quy trình kiểm định do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành, và cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng chỉ kiểm định hợp lệ trước khi đưa thiết bị vào sử dụng cũng như trong suốt quá trình vận hành.

- Các thiết bị, phương tiện sau khi thực hiện phải nguyên vẹn, đầy đủ, sạch sẽ và đảm bảo hoạt động bình thường. Nếu có hư hỏng, sự cố do lỗi của nhà thầu thì nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm sửa chữa, bồi thường.

- Tất cả các thiết bị, phương tiện được kiểm định, hiệu chuẩn nhà thầu phải cung cấp và trả kết quả kiểm định bằng các hình thức sau: tem, giấy chứng nhận kiểm định, biên bản kiểm định thiết bị theo quy định của pháp luật.

